



anviet
Certified Public Accountants

Công ty TNHH Kiểm toán An Việt
www.anvietcpa.com

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

KHÓA

15/03

ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG TẬP THỂ

ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG TẬP THỂ

ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG TẬP THỂ

ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG TẬP THỂ

ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG TẬP THỂ

ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG TẬP THỂ



CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần DRH Holdings (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập báo cáo hợp nhất này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Tấn Đạt	Chủ tịch (người đại diện theo pháp luật)
Ông Hồ Ngọc Bạch	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Lâm Tùng	Thành viên
Ông Trần Hoàng Anh	Thành viên
Ông Ngô Đức Sơn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Ngô Đức Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Trần Hoàng Anh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết lập và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Công ty,



Ngô Đức Sơn
Tổng Giám đốc

Giấy ủy quyền số 01/2020/DRH/UQ-HĐQT ngày 07/08/2020

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 09 năm 2024

Số: 193 /2024/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần DRH Holdings

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (“báo cáo tài chính hợp nhất”) của Công ty Cổ phần DRH Holdings (gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con, được lập ngày 04 tháng 09 năm 2024, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2023, tổng số dư nợ trái phiếu DRHH2022001 và DRHH2224001 của Công ty là 567,59 tỷ đồng. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa có Báo cáo kiểm toán về tình hình sử dụng nguồn vốn từ phát hành trái phiếu còn dư nợ nêu trên theo quy định tại Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/9/2022 của Chính phủ. Theo đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Công ty.

Trong số dư phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 8) và phải thu khác (Thuyết minh số 9) trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023 của Công ty bao gồm khoản cho vay, lãi phải thu về cho vay và hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Kinh doanh Địa ốc Dland và khoản phải thu về ủy thác đầu tư cho ông Nguyễn Thanh Trí. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp về tính hợp lý của các khoản cho vay, hợp tác kinh doanh, ủy thác đầu tư nêu trên cũng như không đánh giá được khả năng thu hồi của các khoản phải thu này. Đồng thời, chúng tôi cũng không đánh giá được liệu các đối tác về cho vay, ủy thác đầu tư có phải là các bên liên quan của Công ty hay không nên không đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên tới Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Công ty.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần DRH Holdings và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã nêu tại thuyết minh số 4.1 trên bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất: Tại ngày 31/12/2023, Công ty có khoản nợ gốc và lãi của trái phiếu đã quá hạn thanh toán theo điều khoản phát hành với số tiền lần lượt là 157.588.267.108 đồng và 10.018.714.304 đồng; chưa thanh toán khoản lãi chậm thanh toán của trái phiếu chưa đến hạn thanh toán là 37.744.296.198 đồng. Đồng thời, kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2023 của Công ty bị lỗ, nhóm Công ty có khoản nợ thuế đã quá hạn nộp Ngân sách Nhà nước. Các vấn đề nêu trên đã gây nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian tới; khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc tạo ra lợi nhuận và thu được các khoản tiền trong tương lai, sự tiếp tục hỗ trợ về mặt tài chính từ các đối tác cho vay. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xây dựng kế hoạch kinh doanh và dòng tiền cho 12 tháng tiếp theo bao gồm: (i) kinh doanh các dự án bất động sản mà Nhóm Công ty đang triển khai, (ii) thanh lý một phần các khoản đầu tư tài chính, (iii) thu hồi kịp thời các khoản nợ phải thu đến hạn. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã và đang thực hiện các thủ tục cần thiết, bao gồm gửi Công văn xin ý kiến các trái chủ về việc xử lý tài sản đảm bảo, làm việc với các đối tác tiềm năng để thanh lý một số khoản đầu tư để đảm bảo thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với các trái chủ. Theo đó, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ đã quá hạn thanh toán và không ảnh hưởng đến khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh trong các kỳ tiếp theo. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề nêu trên.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Trên Báo cáo kiểm toán đề ngày 31/03/2023, kiểm toán viên đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Vũ Bình Minh
Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0034-2023-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2024

Đoàn Thu Hằng
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 1396-2023-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

MẪU SỐ B01 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.805.256.327.710	2.488.737.829.430
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		104.218.060.765	159.599.631.732
1. Tiền	111	5	104.218.060.765	159.599.631.732
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.517.609.470.297	1.244.232.772.494
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	52.921.391.050	54.866.206.628
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	131.143.045.782	135.246.035.837
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	253.920.500.000	500.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.080.552.283.465	1.053.620.530.029
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(927.750.000)	-
III. Hàng tồn kho	140	10	1.160.449.743.322	1.056.597.799.764
1. Hàng tồn kho	141		1.160.449.743.322	1.056.597.799.764
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		22.979.053.326	28.307.625.440
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	1.077.223.276	989.762.433
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		17.451.348.236	22.867.381.193
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	4.450.481.814	4.450.481.814
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.155.382.609.010	1.358.765.294.953
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.656.824.000	221.789.824.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	2.787.500.000	219.920.500.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	9	1.869.324.000	1.869.324.000
II. Tài sản cố định	220		433.425.661	723.361.073
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	433.425.661	626.247.723
- Nguyên giá	222		2.001.806.317	2.097.516.317
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.568.380.656)	(1.471.268.594)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	-	97.113.350
- Nguyên giá	228		2.217.956.190	2.217.956.190
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.217.956.190)	(2.120.842.840)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	88.625.944.254	90.683.292.860
- Nguyên giá	231		94.797.990.060	94.797.990.060
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(6.172.045.806)	(4.114.697.200)
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		864.019.184.372	847.098.747.445
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	15	864.019.184.372	847.098.747.445
V. Tài sản dài hạn khác	260		197.647.230.723	198.470.069.575
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	185.710.550.971	186.508.088.307
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		11.936.679.752	11.961.981.268
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.960.638.936.720	3.847.503.124.383

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

MẪU SỐ B01 - DN/HN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.450.549.112.707	2.232.265.372.790
I. Nợ ngắn hạn	310		2.443.118.849.103	2.228.559.202.300
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	88.190.958.037	94.462.985.357
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		529.747.991.858	529.931.218.289
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	35.062.360.568	31.288.240.183
4. Phải trả người lao động	314		9.704.235.686	2.952.786.971
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	259.411.343.840	123.402.846.464
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	734.721.303.862	738.415.937.582
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	773.701.345.674	695.316.069.715
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.579.309.578	12.789.117.739
II. Nợ dài hạn	330		7.430.263.604	3.706.170.490
1. Phải trả dài hạn khác	337	19	-	118.800.000
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		3.842.893.114	-
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342		3.587.370.490	3.587.370.490
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.510.089.824.013	1.615.237.751.593
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.510.089.824.013	1.615.237.751.593
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	1.243.538.660.000	1.243.538.660.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.243.538.660.000	1.243.538.660.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	120.132.866.000	120.132.866.000
3. Cổ phiếu quỹ	415	21	(6.460.000.000)	(6.460.000.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	19.564.185.852	19.564.185.852
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	122.459.055.277	227.553.658.972
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		226.209.357.943	227.487.508.092
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(103.750.302.666)	66.150.880
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	21	10.855.056.884	10.908.380.769
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.960.638.936.720	3.847.503.124.383

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 09 năm 2024

Người lập

Mu

Phạm Thị Mai Nương

Kế toán trưởng

Thu

Lê Thị Thuần



Tổng Giám đốc

Ngô Đức Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MẪU SỐ B02 - DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	8.798.071.703	60.238.137.242
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		8.798.071.703	60.238.137.242
4. Giá vốn hàng bán	11	23	6.929.339.211	7.049.548.702
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.868.732.492	53.188.588.540
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	35.472.176.802	37.781.982.693
7. Chi phí tài chính	22	25	126.137.110.050	93.336.307.523
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	108.602.374.854	78.132.356.123
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		16.920.436.927	34.331.043.104
9. Chi phí bán hàng	25	26	299.312.342	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	23.991.917.737	22.547.018.091
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(96.166.993.908)	9.418.288.723
12. Thu nhập khác	31		681.993.049	279.415.621
13. Chi phí khác	32	27	3.844.385.830	(5.046.099.319)
14. Lợi nhuận khác	40		(3.162.392.781)	5.325.514.940
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(99.329.386.689)	14.743.803.663
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	1.383.072.901	15.218.323.081
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		3.091.166.961	(1.165.667.356)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(103.803.626.551)	691.147.938
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(103.750.302.666)	66.150.880
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(53.323.885)	624.997.058
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	(835)	1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 09 năm 2024

Người lập



Phạm Thị Mai Nương

Kế toán trưởng



Lê Thị Thuần



Tổng Giám đốc



Ngô Đức Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MÃ SỐ B03 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(99.329.386.689)	14.743.803.663
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.347.284.018	2.423.350.398
- Các khoản dự phòng	03	927.750.000	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(50.030.069.743)	(55.202.390.108)
- Chi phí lãi vay	06	120.577.583.189	88.500.481.123
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước	08	(25.506.839.225)	50.465.245.076
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(19.672.790.263)	(155.583.876.413)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(103.851.943.558)	(151.432.584.007)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	91.612.944.620	95.499.586.803
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	710.076.493	1.452.640.758
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	447.720.575
- Tiền lãi vay đã trả	14	(63.434.421.285)	(74.232.098.170)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(209.808.161)	(3.813.167.922)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(120.352.781.379)	(237.196.533.300)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(604.780.000)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.287.500.000)	(220.420.500.000)
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(453.350.580.416)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	248.642.788	20.871.347.004
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.038.857.212)	(653.504.513.412)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	758.772.196.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	662.149.568.891	1.192.224.528.466
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(595.139.501.267)	(949.909.705.701)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	67.010.067.624	1.001.087.018.765
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(55.381.570.967)	110.385.972.053
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	159.599.631.732	49.213.659.679
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	104.218.060.765	159.599.631.732

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 09 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Phạm Thị Mai Nương

Lê Thị Thuần

Ngô Đức Sơn

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần DRH Holdings (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304266964 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 06/03/2006, đăng ký thay đổi lần gần nhất thứ 20 ngày 08/12/2022.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.243.538.660.000 VND, tương ứng với 124.353.866 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là DRH.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 67 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 50 người (tại ngày 31/12/2022 là 61 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh chính và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh và môi giới bất động sản; dịch vụ tư vấn và quản lý bất động sản.

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty đối với hoạt động kinh doanh bất động sản được thực hiện trong thời gian trên 12 tháng và hoạt động khác trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có 3 công ty con trực tiếp, 1 công ty con gián tiếp và 1 công ty liên kết. Chi tiết như sau:

Các công ty con

STT	Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty Cổ phần Địa ốc An Phú Long	Thành phố Hồ Chí Minh	99,95%	99,95%	Kinh doanh và phát triển bất động sản
2.	Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Bình Đông	Thành phố Hồ Chí Minh	99,00%	99,00%	Kinh doanh và phát triển bất động sản
3.	Công ty Cổ phần Kinh doanh và phát triển Bất động sản Đông Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	99,00%	99,00%	Kinh doanh và phát triển bất động sản
4.	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Thuận Tiến (công ty con gián tiếp)	Thành phố Hồ Chí Minh	98,01%	99,00%	Kinh doanh và phát triển bất động sản

Công ty có công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2023 bao gồm:

STT	Công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương	29,75%	29,75%	Khai thác khoáng sản và cho thuê khu công nghiệp

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính; Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất; Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con và chấm dứt vào ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại công ty mẹ và các công ty con khác là giống nhau.

Các giao dịch và số dư phát sinh từ các giao dịch giữa các công ty trong Công ty được loại trừ toàn bộ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của các công ty con hợp nhất bao gồm: lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cũng được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt.

Trong năm 2023, kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty bị lỗ 103,75 tỷ đồng. Tại ngày 31/12/2023, Công ty chưa thanh toán khoản nợ gốc và lãi của trái phiếu đã quá hạn thanh toán theo điều khoản phát hành với số tiền lần lượt là 157.588.267.108 đồng và 10.018.714.304 đồng; chưa thanh toán khoản lãi chậm thanh toán của trái phiếu chưa đến hạn thanh toán là 37.744.296.198 đồng. Đồng thời, nhóm Công ty có khoản nợ thuế đã quá hạn nộp Ngân sách Nhà nước với số tiền 27.002.776.763 đồng (chưa bao gồm các khoản phạt chậm nộp). Các vấn đề này đã phản ánh các khó khăn về tài chính và thanh toán các khoản nợ phải trả đến hạn của Công ty đã gây nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong thời gian tới.

Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc tạo ra lợi nhuận và thu được các khoản tiền từ hoạt động kinh doanh trong tương lai và sự tiếp tục hỗ trợ về mặt tài chính từ các đối tác cho vay. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xây dựng kế hoạch kinh doanh và dòng tiền cho 12 tháng tiếp theo bao gồm: (i) kinh doanh các dự án bất động sản mà Nhóm Công ty đang triển khai, (ii) thanh lý một phần các khoản đầu tư tài chính, (iii) thu hồi kịp thời các khoản nợ đến hạn. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã và đang thực hiện các thủ tục cần thiết, bao gồm gửi Công văn xin ý kiến các trái chủ về việc xử lý tài sản đảm bảo, làm việc với các đối tác tiềm năng để thanh lý một số khoản đầu tư để đảm bảo thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với các trái chủ. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ đã quá hạn thanh toán và không ảnh hưởng tới khả năng tiếp tục hoạt động trong các kỳ tiếp theo.

Trên cơ sở này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng việc lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

4.2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.4. Đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư (công ty liên kết) mà không có thỏa thuận khác. Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Dự phòng tổn thất đầu tư vốn vào đơn vị khác

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết là số chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc và phần sở hữu của Công ty trong vốn chủ sở hữu thực có tại bên nhận đầu tư. Phần sở hữu của Công ty trong vốn chủ sở hữu thực có tại bên nhận đầu tư được xác định căn cứ vào Bảng cân đối kế toán của bên nhận đầu tư tại ngày trích lập dự phòng.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư góp vốn khác là số chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường của khoản đầu tư hoặc phần sở hữu của Công ty trong vốn chủ sở hữu thực có của bên nhận đầu tư. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư được trích lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.5. Các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

BCC là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế. Trong mọi trường hợp, khi nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động BCC, bên nhận hạch toán là nợ phải trả.

Đối với trường hợp BCC chia lợi nhuận sau thuế, các bên phải cử ra một bên để kế toán toàn bộ các giao dịch của BCC, ghi nhận doanh thu, chi phí, theo dõi riêng kết quả kinh doanh của BCC và quyết toán thuế.

4.6. Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng, xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Thành phẩm bất động sản

Bất động sản được xây dựng để bán, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là thành phẩm bất động sản. Giá thành của thành phẩm bất động sản bao gồm:

- Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất, các chi phí phát triển đất;
- Chi phí xây dựng; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn thiết kế, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí quản lý xây dựng chung và các chi phí khác có liên quan.

Giá vốn của thành phẩm bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành thành phẩm bất động sản và chi phí chung được phân bổ theo các tiêu thức phù hợp.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

4.7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Số năm
Máy móc thiết bị	05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05

4.8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của phần mềm máy tính, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

4.9. Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản, ... và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

4.10. Các khoản phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.11. Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính của Công ty bao gồm các khoản đi vay và vay vốn theo phương thức phát hành trái phiếu thường (không có quyền chuyển đổi).

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ; từng khế ước vay, nợ và từng loại tài sản vay, nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản vay và nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn". Các khoản vay và nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là "Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn".

Công ty vay vốn bằng phát hành trái phiếu thường bao gồm: trái phiếu ngang giá (phát hành trái phiếu với giá đúng bằng mệnh giá của trái phiếu), trái phiếu có chiết khấu (phát hành trái phiếu với giá nhỏ hơn mệnh giá của trái phiếu) và trái phiếu có phụ trội (phát hành trái phiếu với giá lớn hơn mệnh giá của trái phiếu). Công ty theo dõi chi tiết chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và theo thời hạn phát hành trái phiếu. Chiết khấu và phụ trội trái phiếu được xác định và ghi nhận ngay tại thời điểm phát hành trái phiếu. Công ty phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội vào chi phí đi vay hoặc để giảm trừ chi phí đi vay theo phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng.

Trường hợp chi phí lãi vay của trái phiếu đủ điều kiện để vốn hóa, khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa tương ứng từng kỳ.

4.12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì số chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về các khoản chi phí thực tế phải trả, số tiền phải trả cho các dịch vụ đã sử dụng trong năm do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán.

4.14. Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

4.15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản phải đảm bảo thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi; lãi cho vay, lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán; cổ tức, lợi nhuận được chia; lãi chênh lệch tỷ giá...

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong năm của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

4.16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp số dư. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.17. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Công ty chưa trình bày các thuyết minh liên quan đến công cụ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

4.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác.

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. TIỀN

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Tiền mặt	18.760.909	82.946.384
Tiền gửi ngân hàng	104.199.299.856	159.516.685.348
Cộng	<u>104.218.060.765</u>	<u>159.599.631.732</u>

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Phải thu chuyển nhượng bất động sản	24.755.640.834	31.129.361.245
Phải thu từ cung cấp dịch vụ	28.165.750.216	23.736.845.383
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Song Đạt	26.268.015.401	22.261.832.183
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Tâm Lộc Phúc	1.475.013.200	1.475.013.200
Các khách hàng khác	422.721.615	-
Cộng	<u>52.921.391.050</u>	<u>54.866.206.628</u>

7. TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Bà Khúc Hồng Hoa (*)	120.000.000.000	120.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng PCO	3.023.007.179	7.259.799.152
Các nhà cung cấp khác	8.120.038.603	7.986.236.685
Cộng	<u>131.143.045.782</u>	<u>135.246.035.837</u>

(*): Đây là khoản Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bất động sản Đông Sài Gòn trả trước cho Bà Khúc Hồng Hoa - cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Hòa Bình ("Đầu tư Hòa Bình") nhằm cam kết thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng vốn và các quyền sử dụng đất thuộc dự án của Đầu tư Hòa Bình ký ngày 01/03/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	253.920.500.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Địa ốc Dland (*)	253.920.500.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư AZA	-	500.000.000
Dài hạn	2.787.500.000	219.920.500.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Địa ốc Dland (*)	2.287.500.000	219.920.500.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư AZA	500.000.000	-
Cộng	256.708.000.000	220.420.500.000

(*) Khoản phải thu về cho vay đối với Công ty Cổ phần Kinh doanh Địa ốc Dland (gọi tắt là "Dland") theo các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng cho vay ký ngày 24/02/2022 giữa Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Bình Đông và Dland với giá trị cho vay là 185,5 tỷ đồng, thời gian cho vay là 2 năm, lãi suất 12%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- Hợp đồng liên kết sử dụng vốn ký ngày 01/01/2019 giữa Công ty và Dland và các phụ lục bổ sung để phục vụ mục đích triển khai và phát triển dự án hiện hữu của Dland với tổng số dư cho vay tại ngày 31/12/2023 là 70,708 tỷ đồng. Khoản vay có thời gian 24 tháng tính từ thời điểm phát sinh với lãi suất là 12%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, số dư gốc và lãi cho vay đã đến hạn thanh toán nhưng Dland chưa trả cho Nhóm Công ty với số tiền lần lượt là 249.115.500.000 đồng và 32.860.999.891 đồng.

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự	Giá trị	Dự
	VND	phòng	VND	phòng
Ngắn hạn	1.080.552.283.465	-	1.053.620.530.029	-
Phải thu từ hợp đồng ủy thác đầu tư	596.563.000.000	-	594.143.000.000	-
- Ông Trần Phước Tâm (i)	396.563.000.000	-	394.143.000.000	-
- Ông Nguyễn Thanh Trí (ii)	200.000.000.000	-	200.000.000.000	-
Phải thu từ hợp đồng đặt cọc	311.030.000.000	-	326.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Codona Thế kỷ 21	11.030.000.000	-	26.000.000.000	-
- Ông Tô Duy Thái (iii)	300.000.000.000	-	300.000.000.000	-
Tạm ứng cho nhân viên (iv)	103.538.101.519	-	65.653.412.693	-
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (v)	26.964.460.000	-	60.964.460.000	-
Phải thu lãi cho vay của Công ty Cổ phần Kinh doanh Địa ốc Dland (vi)	32.860.999.891	-	9.863	-
Phải thu khác	9.595.722.055	-	6.859.647.473	-
Dài hạn	1.869.324.000	-	1.869.324.000	-
Ký cược, ký quỹ	1.869.324.000	-	1.869.324.000	-
Cộng	1.082.421.607.465	-	1.055.489.854.029	-

- i. Khoản ủy thác đầu tư cho ông Trần Phước Tâm theo Hợp đồng ủy thác ký ngày 14/12/2020 giữa cá nhân này và Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bất động sản Đông Sài Gòn và các phụ lục để thực hiện dự án cùng với Chủ đầu tư tại Phường Long Phước, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2023, Chủ đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Đến thời điểm hiện tại, dự án đang trong giai đoạn hoàn thiện các thủ tục pháp lý để triển khai đầu tư, xây dựng theo kế hoạch.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

- ii. Khoản ủy thác đầu tư cho ông Nguyễn Đăng Tùng theo Hợp đồng ủy thác ký ngày 06/05/2022 giữa cá nhân này và Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bất động sản Đông Sài Gòn và phụ lục để nhận chuyển nhượng các quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với các lô đất tại phân phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, các bên đã thống nhất chuyển khoản ủy thác đầu tư từ ông Nguyễn Đăng Tùng sang ông Nguyễn Thanh Trí để tiếp tục thực hiện hợp đồng theo Biên bản xác nhận 3 bên ký ngày 31/12/2022.
- iii. Khoản đặt cọc cho ông Tô Duy Thái của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bất động sản Đông Sài Gòn để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với các lô đất tại Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Hai bên đã thống nhất gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng đến hết ngày 30/06/2025 theo Phụ lục hợp đồng ký ngày 29/04/2024.
- iv. Tại ngày 31/12/2023, số dư tạm ứng chủ yếu là khoản tạm ứng cho ông Phạm Trường Anh với số tiền khoảng 71 tỷ đồng; ông Huỳnh Bảo Long với số tiền khoảng 16,28 tỷ đồng để thực hiện các dự án của Công ty và các công ty con.
- v. Khoản phải thu từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh ký ngày 19/07/2018 giữa Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bất động sản Đông Sài Gòn và Công ty Cổ phần Kinh doanh Địa ốc DLand liên quan đến việc hợp tác và phát triển dự án nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp tác xây dựng, phát triển 120 căn shophouse trên các nền đất thuộc Khu công nghiệp Đất Cuốc tại xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh này, Nhóm Công ty được chia lợi nhuận theo tỷ lệ vốn góp. Trong năm, Đông Sài Gòn, DLand và Công ty thực hiện bù trừ công nợ giữa 3 bên với số tiền 34 tỷ đồng.
- vi. Xem chi tiết tại thuyết minh số 08.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết chịu trách nhiệm và đánh giá các khoản hợp tác kinh doanh, ủy thác đầu tư của Nhóm Công ty nêu trên là an toàn, nhằm mục đích nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty, không phát sinh tổn thất cần phải trích lập dự phòng tại ngày 31/12/2023.

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.160.449.743.322	-	1.056.597.799.764	-
- Dự án cao ốc Căn hộ - Thương mại dịch vụ Aurora	663.052.812.327	-	584.792.371.242	-
- Dự án khu dân cư Metro Valley (*)	497.396.930.995	-	470.895.772.142	-
- Các dự án khác	-	-	909.656.380	-
Cộng	1.160.449.743.322	-	1.056.597.799.764	-

(*) Quyền sử dụng đất của dự án Khu dân cư Metro Valley được sử dụng làm tài sản thế chấp cho khoản trái phiếu của Công ty (Xem chi tiết tại thuyết minh số 20).

Hiện tại, các dự án bất động sản nêu trên đang bị chậm tiến độ so với kế hoạch đề ra. Nhóm Công ty đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý cần thiết để tiếp tục triển khai và bàn giao cho khách hàng trong thời gian sớm nhất.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	1.077.223.276	989.762.433
Chi phí hoa hồng môi giới	787.010.551	739.036.534
Các khoản khác	290.212.725	250.725.899
Dài hạn	185.710.550.971	186.508.088.307
Chi phí hoa hồng môi giới	163.446.372.294	163.402.760.780
Chiết khấu thanh toán	19.784.243.219	19.791.062.704
Chi phí cải tạo tài sản đi thuê	237.028.467	1.417.786.990
Công cụ, dụng cụ	358.511.423	299.243.047
Các khoản khác	1.884.395.568	1.597.234.786
Cộng	186.787.774.247	187.497.850.740

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị	Thiết bị quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2023	103.832.610	1.993.683.707	2.097.516.317
Giảm khác	-	(95.710.000)	(95.710.000)
Tại ngày 31/12/2023	103.832.610	1.897.973.707	2.001.806.317
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2023	103.832.610	1.367.435.984	1.471.268.594
Khấu hao trong năm	-	192.822.062	192.822.062
Giảm khác	-	(95.710.000)	(95.710.000)
Tại ngày 31/12/2023	103.832.610	1.464.548.046	1.568.380.656
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2023	-	626.247.723	626.247.723
Tại ngày 31/12/2023	-	433.425.661	433.425.661
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng	103.832.610	1.293.193.707	1.397.026.317

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phân mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2023	2.217.956.190	2.217.956.190
Tại ngày 31/12/2023	2.217.956.190	2.217.956.190
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2023	2.120.842.840	2.120.842.840
Khấu hao trong năm	97.113.350	97.113.350
Tại ngày 31/12/2023	2.217.956.190	2.217.956.190
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2023	97.113.350	97.113.350
Tại ngày 31/12/2023	-	-
<i>Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng</i>	2.217.956.190	2.217.956.190

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Tăng hàm đậu xe VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2023	94.797.990.060	94.797.990.060
Tại ngày 31/12/2023	94.797.990.060	94.797.990.060
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2023	4.114.697.200	4.114.697.200
Khấu hao trong năm	2.057.348.606	2.057.348.606
Tại ngày 31/12/2023	6.172.045.806	6.172.045.806
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2023	90.683.292.860	90.683.292.860
Tại ngày 31/12/2023	88.625.944.254	88.625.944.254

(*): Là giá trị công trình tăng hàm đậu xe ô tô của Dự án An Phú Long Land 1 tại số 1177, Đường Huỳnh Tấn Phát, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN/HN

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Ghi nhận theo PP vốn chủ	Giá gốc	Ghi nhận theo PP vốn chủ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	500.060.054.838	864.019.184.372	500.060.054.838	847.098.747.445
Cộng	500.060.054.838	864.019.184.372	500.060.054.838	847.098.747.445

(*) Công ty đang sở hữu 22.799.025 cổ phiếu tương ứng 29,75% vốn góp của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương ("KSB"). Cổ phiếu của công ty này được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Một phần cổ phiếu KSB thuộc sở hữu của Công ty được thế chấp cho các khoản vay tại các công ty chứng khoán và các khoản trái phiếu phát hành (Xem chi tiết tại thuyết minh số 20).

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hưng Gia Việt	24.148.927.145	24.148.927.145	24.148.927.145	24.148.927.145
Công ty TNHH Bình Dương Xanh	18.425.000.000	18.425.000.000	18.425.000.000	18.425.000.000
Ông Nguyễn Quang Cường	-	-	12.340.579.234	12.340.579.234
Công ty TNHH Xây dựng An Phú Gia	5.866.366.025	5.866.366.025	9.866.366.025	9.866.366.025
Công ty Cổ phần Kinh doanh Địa ốc DLand	5.664.486.875	5.664.486.875	5.462.075.077	5.462.075.077
Công ty TNHH Xây dựng 30-4	14.343.784.057	14.343.784.057	9.667.918.148	9.667.918.148
Các nhà cung cấp khác	19.742.393.935	19.742.393.935	14.552.119.728	14.552.119.728
Cộng	88.190.958.037	88.190.958.037	94.462.985.357	94.462.985.357

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	4.488.422.756	(40.113.056)	-	4.448.309.700
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.713.187.255	1.383.072.901	-	20.096.260.156
- Phải thu	(4.450.481.814)	-	-	(4.450.481.814)
- Phải nộp	23.163.669.069	1.383.072.901	-	24.546.741.970
Thuế thu nhập cá nhân	1.501.927.396	1.955.980.729	2.745.271.155	712.636.970
Các khoản khác	2.134.220.962	3.293.382.589	72.931.623	5.354.671.928
Cộng	26.837.758.369	6.592.323.163	2.818.202.778	30.611.878.754

Trong đó:

Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	4.450.481.814			4.450.481.814
Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	31.288.240.183			35.062.360.568

Tại ngày 31/12/2023, các công ty con của Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Địa ốc An Phú Long, Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Bình Đông và Công ty Cổ phần Kinh doanh và phát triển Bất động sản Đông Sài Gòn có các khoản nợ thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế khác đã quá hạn nộp Ngân sách Nhà nước với tổng số tiền là 27.002.776.763 đồng (chưa bao gồm các khoản phạt chậm nộp). Cơ quan Thuế quản lý đã ban hành các quyết định cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn đối với các công ty con nêu trên.

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trích trước lãi chậm bàn giao (*)	203.904.420.738	113.152.651.392
Chi phí lãi vay	55.181.923.102	9.413.969.533
Các khoản khác	325.000.000	836.225.539
Cộng	259.411.343.840	123.402.846.464

(*): Nhóm Công ty thực hiện trích trước lãi phải trả cho khách hàng do các dự án bất động sản đang bị chậm tiến độ so với kế hoạch đề ra. Nhóm Công ty đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý cần thiết để tiếp tục triển khai và bàn giao cho khách hàng trong thời gian sớm nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	734.721.303.862	738.415.937.582
Kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm	3.537.621.408	948.748.700
Nhận đặt cọc từ các cá nhân mua bất động sản	551.555.294.438	555.571.309.769
Mượn tiền không lãi suất (i)	91.723.770.732	97.371.130.721
- Các cá nhân	78.352.640.000	83.999.999.989
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Bất động sản Hoàng Gia Phát	12.999.000.000	12.999.000.000
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Địa ốc DLand	372.130.732	372.130.732
Phải trả tiền đặt cọc hợp đồng môi giới (ii)	45.000.000.000	45.000.000.000
Phải trả các khoản được chi hộ	16.342.670.364	16.342.670.364
- Công ty Cổ phần Căn nhà Mơ ước Đông Nam	15.404.572.828	15.404.572.828
- Các công ty khác	938.097.536	938.097.536
Thu hộ kinh phí bảo trì tòa nhà	7.363.525.631	7.273.142.163
Lãi phải trả Công ty Cổ phần Căn nhà Mơ ước Đông Nam	5.756.920.548	5.756.920.548
Cổ tức phải trả	1.220.400.000	1.101.600.000
Các khoản phải trả khác	12.221.100.741	9.050.415.317
Dài hạn	-	118.800.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	118.800.000
Cộng	<u>734.721.303.862</u>	<u>738.534.737.582</u>

- i. Là khoản mượn tiền không lãi suất từ các cá nhân và các công ty nhằm bổ sung vốn lưu động cho Nhóm Công ty.
- ii. Khoản nhận đặt cọc theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ môi giới giữa Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản Đông Sài Gòn và Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hưng Gia Việt liên quan đến dự án Khu dân cư Metro Valley có địa chỉ tại số 52/1 Đường 400, Ấp Cây Dầu, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Vay các công ty chứng khoán

Đây là các khoản vay từ các công ty chứng khoán nhằm mục đích đầu tư tài chính có kỳ hạn là 90 ngày kể từ ngày giải ngân và sẽ tự động được tái tục sau ba tháng. Các khoản vay chịu lãi suất thả nổi với lãi suất từ 10% đến 16%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản trên Tài Khoản giao dịch ký quỹ và tài khoản giao dịch chứng khoán thông thường.

Trái phiếu

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Kỳ hạn Năm	Giá trị VND	Kỳ hạn Năm
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả				
Trái phiếu DRHH2022001	157.588.267.108	2,0	175.195.000.000	2,0
Trái phiếu DRHH2224001	410.000.000.000	2,0	410.000.000.000	2,0
Chi phí phát hành trái phiếu	(1.954.166.665)	-	(13.329.375.000)	-
Cộng	565.634.100.443		571.865.625.000	

Nợ quá hạn chưa thanh toán như sau:

	31/12/2023		01/01/2023	
	Gốc VND	Lãi VND	Gốc VND	Lãi VND
Trái phiếu DRHH2022001	157.588.267.108	10.018.714.304	175.195.000.000	3.713.358.921
Trái phiếu DRHH2224001	-	37.744.296.198	-	-
Cộng	157.588.267.108	47.763.010.502	175.195.000.000	3.713.358.921

Chi tiết trái phiếu đã phát hành (trái phiếu doanh nghiệp không có quyền chuyển đổi) và còn số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty như sau:

❖ **Trái phiếu DRHH2022001 ngày 16/11/2020 có thời hạn 24 tháng kể từ ngày phát hành**

- Số lượng phát hành: 2.300.000 trái phiếu với mệnh giá 100.000 đồng;
- Lãi suất: trong hạn là 11%/năm và lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất trả sau được thanh toán định kỳ 3 tháng/lần;

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN/HN

- Mục đích phát hành: Thực hiện đầu tư vào dự án Khu dân cư Metro Valley và dự án Căn hộ Aurora thuộc Đông Sài Gòn và Bình Đông - công ty con của Công ty;
- Tài sản đảm bảo:
 - Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số 1, Tờ bản đồ số 5 Bộ địa chính phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức với tổng diện tích 34.737,7 m² thuộc dự án Khu dân cư Metro Valley tọa lạc tại địa chỉ 52/1 Đường 400, Ấp Cây Dầu, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Đông Sài Gòn;
 - Toàn bộ cổ phiếu của Đông Sài Gòn thuộc sở hữu của Công ty;
 - 2.285.000 cổ phiếu Công ty Cổ Phần Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương (Mã chứng khoán: KSB) thuộc sở hữu của Công ty;
 - Toàn bộ quyền tài sản của Dự án Khu dân cư Metro Valley, tọa lạc tại số thửa đất số 01, tờ bản đồ số 5 Bộ địa chính phường Tân Phú, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh;
 - Một phần khoản phải thu khách hàng từ dự án Chung cư cao tầng Aurora.

Tại ngày 31/12/2023, toàn bộ số dư của trái phiếu DRHH2022001 ngày 16/11/2020 đã quá hạn thanh toán theo điều khoản phát hành.

Nghị quyết ngày 24/06/2024 của Chủ sở hữu trái phiếu DRHH2022001 đã thông qua phương án xử lý tài sản đảm bảo như sau:

- Phương án xử lý tài sản là cổ phiếu KSB:
 - Công ty được quyền ưu tiên xử lý cổ phần thế chấp không bán thông qua Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh bằng cách nộp tiền vào tài khoản dự phòng trả nợ tương ứng với số lượng cổ phiếu cầm cố mà DRH muốn được ưu tiên xử lý theo phương thức không bán trên sàn giao dịch chứng khoán và các khoản phí phát sinh;
 - Xử lý cổ phần thế chấp thông qua giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán: sau 20 ngày kể từ ngày nghị quyết được ban hành và có đầy đủ tài liệu cần thiết cho phép đất lệnh; giá bán: trong biên độ giao dịch tại ngày thực hiện bán và không thấp hơn 95% so với giá bình quân giá đóng cửa của cổ phiếu KSB tại 20 phiên giao dịch liền trước ngày thực hiện bán.
- Phương án xử lý tài sản bảo đảm là cổ phần Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bất động sản Đông Sài Gòn, bất động sản và quyền tài sản liên quan dự án khu dân cư Metro Valley:
 - Công ty được quyền ưu tiên xử lý tài sản bằng cách nộp tiền vào tài khoản dự phòng trả nợ với số tiền nộp tối thiểu bằng tổng nghĩa vụ đã phát sinh nhưng chưa thanh toán của DRH liên quan đến trái phiếu DRHH2022001 tính đến ngày thực hiện giao dịch mua bán;
 - Sau 20 ngày kể từ ngày nghị quyết được ban hành, DRH không hoàn tất việc chuyển tiền như trên, chủ sở hữu trái phiếu ủy quyền toàn bộ và không hủy ngang cho tổ chức quản lý tài sản bảo đảm để thực hiện các công việc cần thiết theo quy trình để xử lý tài sản là cổ phần Đông Sài Gòn và dự án Metro Valley. Trong đó, giá bán tối thiểu bằng tổng nghĩa vụ đã phát sinh nhưng chưa thanh toán của DRH liên quan đến trái phiếu DRHH2022001 tính đến ngày thực hiện giao dịch mua bán.

Hiện tại, Công ty đang làm việc với đối tác tìm năng để thực hiện thanh lý một số khoản đầu tư khác của Công ty nhằm thu xếp nguồn vốn trả nợ trái phiếu đã quá hạn thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN/HN

❖ Trái phiếu DRHH2224001 ngày 23/02/2022 có thời hạn 24 tháng kể từ ngày phát hành

- Số lượng phát hành: 410.000 trái phiếu với mệnh giá 1.000.000 đồng;
- Lãi suất: trong hạn là 12%/năm; lãi suất trả sau được thanh toán định kỳ 3 tháng/lần;
- Mục đích phát hành: Hợp tác với Chủ đầu tư là Công ty TNHH Phát triển công nghiệp KSB và/ hoặc bên thứ ba hợp pháp để cùng triển khai hoạt động bồi thường, giải phóng, san lấp, hoàn thiện mặt bằng giai đoạn 2 của dự án Khu công nghiệp Đất Cuốc - Bình Dương với số tiền là 200 tỷ đồng và Hợp tác và/ hoặc tài trợ vốn cho Chủ đầu tư là Công ty TNHH Đầu tư BĐS Bình Đông để hoàn thiện Dự án Aurora Residences với số tiền là 210 tỷ đồng.
- Tài sản đảm bảo:

- Quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của bên thứ ba có tổng diện tích 3.449,0 m² nằm trên các thửa đất tại phường Tân Phú, Quận 9 (nay là Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh;
- 5.018.495 cổ phiếu Công ty Cổ Phần Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương (Mã chứng khoán: KSB) thuộc sở hữu của Công ty.

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, toàn bộ số dư trái phiếu đều đã quá hạn thanh toán theo điều khoản phát hành. Công ty đã gửi Công văn xin ý kiến trái chủ để thông qua phương án xử lý tài sản đảm bảo. Cụ thể:

- Phương án xử lý tài sản là cổ phiếu KSB:
 - Công ty được quyền ưu tiên xử lý cổ phần thế chấp không bán thông qua Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh bằng cách DRH hoặc Bên bảo đảm khác nộp tiền vào tài khoản xử lý tương ứng với số lượng cổ phiếu cầm cố mà DRH muốn được ưu tiên xử lý theo phương thức không bán trên sàn giao dịch chứng khoán và các khoản phí phát sinh;
 - Sau 90 ngày làm việc kể từ ngày Nghị quyết đa số tuyệt đối có hiệu lực, DRH chưa hoàn tất việc chuyển tiền vào Tài khoản xử lý để giải tỏa, xóa đăng ký giao dịch bảo đảm toàn bộ cổ phiếu cầm cố hoặc chỉ thực hiện một phần tiền vào Tài khoản xử lý để giải chấp một phần cổ phiếu cầm cố tương ứng thì Tổ chức quản lý tài sản đảm bảo được quyền xử lý số cổ phiếu cầm cố còn lại bằng phương thức bán thông qua Sàn giao dịch chứng khoán.
- Phương án xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của ông Tô Duy Thái có tổng diện tích 3.449,0 m² nằm trên các thửa đất tại phường Tân Phú, Quận 9 (nay là Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh:
 - Công ty được phép tìm kiếm đối tác để nhận chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ các quyền sử dụng đất đang thế chấp. Giá bán dựa trên nguyên tắc thỏa thuận giữa DRH và bên chuyển nhượng, tuy nhiên không thấp hơn 70% so với giá trị định giá tại Chứng thư thẩm định giá ngày 08/02/2022.
 - Sau 90 ngày làm việc kể từ ngày nghị quyết đa số tuyệt đối có hiệu lực, DRH không tìm kiếm được đối tác để thực hiện giao dịch hoặc tìm kiếm được đối tác nhưng chỉ đồng ý nhận chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất thì DRH sẽ xin ý kiến Chủ sở hữu trái phiếu về phương án xử lý tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN/HN

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2022	609.999.330.000	-	(6.460.000.000)	19.564.185.852	5.663.383.711	229.811.851.499						
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	603.539.330.000	120.132.866.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty	30.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Cổ đông không kiểm soát góp vốn	-	-	-	-	-	-	-	-	5.100.000.000	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	624.997.058	66.150.880	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(480.000.000)	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.324.343.407)	-	-
Thù lao HĐQT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.000.000.000)	-	-
Tại ngày 01/01/2023	1.243.538.660.000	120.132.866.000	(6.460.000.000)	19.564.185.852	10.908.380.769	227.553.658.972						
Lỗi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	(53.323.885)	(103.750.302.666)	-	-
Thù lao HĐQT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(546.000.000)	-	-
Giám khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(798.301.029)	-	-
Tại ngày 31/12/2023	1.243.538.660.000	120.132.866.000	(6.460.000.000)	19.564.185.852	10.855.056.884	122.459.055.277						

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	1.243.538.660.000	609.999.330.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	633.539.330.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	1.243.538.660.000	1.243.538.660.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	124.353.866	124.353.866
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	124.353.866	124.353.866
- Cổ phiếu phổ thông	124.353.866	124.353.866
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	646.000	646.000
- Cổ phiếu phổ thông	646.000	646.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	123.707.866	123.707.866
- Cổ phiếu phổ thông	123.707.866	123.707.866
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

22. DOANH THU VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.798.071.703	60.238.137.242
Cộng	8.798.071.703	60.238.137.242

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.929.339.211	7.049.548.702
Cộng	6.929.339.211	7.049.548.702

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi cho vay	32.860.990.028	20.679.212.713
Lãi chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh	2.351.763.727	16.744.291.062
Cổ tức, lợi nhuận được chia	191.600.000	-
Lãi tiền gửi	57.042.788	192.134.291
Doanh thu tài chính khác	10.780.259	166.344.627
Cộng	35.472.176.802	37.781.982.693

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	108.602.374.854	78.132.356.123
Chi phí phát hành trái phiếu	11.975.208.335	10.368.125.000
Lỗ do thanh lý chứng khoán kinh doanh	2.851.716.258	2.369.865.784
Chi phí tài chính khác	2.707.810.603	2.465.960.616
Cộng	126.137.110.050	93.336.307.523

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí bán hàng	299.312.342	-
Chi phí khác	299.312.342	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.991.917.737	22.547.018.091
Chi phí nhân công	13.878.024.325	10.048.416.416
Chi phí khấu hao tài sản cố định	289.935.412	297.852.632
Chi phí dự phòng	927.750.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.765.567.188	7.636.965.685
Chi phí khác	1.130.640.812	4.563.783.358
Cộng	24.291.230.079	22.547.018.091

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Hoàn nhập chi phí thuế trích trước	-	(6.696.252.544)
Các khoản bị phạt	2.936.375.795	1.546.942.113
Các khoản khác	908.010.035	103.211.112
Cộng	3.844.385.830	(5.046.099.319)

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nhân công	21.200.377.388	23.254.290.231
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.209.386.508	2.251.724.549
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.468.132.396	77.473.566.801
Chi phí khác	88.254.651.303	77.002.015.329
Cộng	130.132.547.595	179.981.596.910

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh tại Công ty và các công ty con như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Bình Đông	1.884.395.879	4.629.035.404
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bất động sản Đông Sài Gòn	-	10.589.287.677
Công ty Cổ phần Địa ốc An Phú Long	(501.322.978)	-
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Thuận Tiến	-	-
Công ty Cổ phần DRH Holdings	-	-
Cộng	1.383.072.901	15.218.323.081

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(103.803.626.551)	66.150.880
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(103.803.626.551)	66.150.880
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	124.353.866	83.465.020
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(835)	1

31. CAM KẾT HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	3.960.000.000	3.960.000.000
Từ 2 năm đến 5 năm	14.850.000.000	15.840.000.000
Trên 5 năm	-	2.970.000.000
Cộng	18.810.000.000	22.770.000.000

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài công ty liên kết đã trình bày tại Thuyết minh số 1.4 và các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Công ty không có bất kỳ bên liên quan nào khác.

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải trả khác	900.000.000	2.900.000.000
Ông Trần Hoàng Anh	-	2.000.000.000
Ông Ngô Đức Sơn	900.000.000	900.000.000

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Ông Phan Tấn Đạt	Chủ tịch HĐQT	-	900.000.000
Ông Hồ Ngọc Bạch	Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán	-	208.000.000
Ông Nguyễn Lâm Tùng	Thành viên HĐQT, Thành viên Ủy ban Kiểm toán	-	208.000.000
Ông Ngô Đức Sơn	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	1.522.325.015	1.678.695.652
Ông Trần Hoàng Anh	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc	1.097.497.592	1.119.130.435
Cộng		2.619.822.607	4.113.826.087

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 09 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng





Phạm Thị Mai Nương

Lê Thị Thuần

Ngô Đức Sơn

Partnering for **Success**

ĐỊA CHỈ GIAO DỊCH:

**Tầng 12, tòa nhà 167 Bùi Thị Xuân
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**

E anviet@anvietcpa.com
T (84-24) 6278 2904
F (84-24) 6278 2905

**Tầng 9, tòa nhà AC ngõ 78 Duy Tân
Quận Cầu Giấy, Hà Nội**

E anviet.hn@anvietcpa.com
T (84-24) 3795 8705
F (84-24) 3795 8677

**BH06-12A, Khu đô thị Vinhomes Imperia
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng**

E anviet.hp@anvietcpa.com
T (84-225) 3842430

